

LOCAL KNOWLEDGE IN THE USE AND PROTECTION OF NATURAL RESOURCES OF LOCAL ETHNIC MINORITIES IN THE CENTRAL HIGHLANDS TODAY

Nguyen Tham Thu Ha

Institute of Anthropology

Email: nguyenthamthuha83@gmail.com

Received: 01/10/2024; Reviewed: 15/10/2024; Revised: 19/10/2024; Accepted: 28/10/2024; Released: 20/11/2024

DOI: <https://doi.org/10.54163/nctd/371>

Local knowledge contains lessons on how people should behave with their environment to survive and develop. It is also the code of conduct for individuals, communities and communities with each other. Local knowledge is the basis of understanding in the fields of agriculture, forestry, resource management, health care, social management, ... and is also a valuable cultural heritage that creates the unique identity of each ethnic group. This article will focus on analyzing the values of local knowledge in the use and protection of natural resources for local ethnic minorities in the Central Highlands and suggesting issues, on that basis proposing some solutions to preserve and promote its values, contributing to the sustainable development of natural resources in the Central Highlands in the current context.

Keywords: Local knowledge; Use; Natural resources; Local ethnic minorities; Tay Nguyen.

1. Đặt vấn đề

Sự phát triển mạnh mẽ của khoa học, công nghệ và bùng nổ công nghệ thông tin 4.0 đang tác động mọi mặt vào đời sống kinh tế - xã hội (KT-XH). Song hành với các giá trị của khoa học kỹ thuật, tri thức địa phương (TTĐP) cũng có vai trò quan trọng trong đời sống và sản xuất của người dân, đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS) sinh sống ở vùng miền núi. Tây Nguyên bao gồm 5 tỉnh: Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông và Lâm Đồng; có 12 tộc người tại chỗ cư trú từ lâu đời (Gia-rai, Ê-đê, Chu ru, Gia-rai, Ba-na, Xơ-Đăng, Gié-Triêng, Brâu, Rơ-măm, Mạ, Mnông và Cơ-ho) (Đào, 2020). Đây là một vùng vừa có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng về quốc phòng, an ninh, vừa có điều kiện để phát triển một nền kinh tế mở. Đồng thời, Tây Nguyên cũng là khu vực đa dạng nhất về thành phần tộc người của nước ta, với sự có mặt đầy đủ 54 dân tộc và mức độ cư trú xen kẽ giữa các dân tộc trong một địa bàn ngày càng cao, trong đó chủ yếu là người Kinh, các DTTS tại chỗ và các tộc người thiểu số di cư đến. Do có sự đa dạng về tộc người nên bức tranh văn hóa vùng đất này cũng rất phong phú và nhiều màu sắc. Mỗi tộc người trong quá trình tồn tại và phát triển của mình đều sáng tạo văn hóa phù hợp với trình độ phát triển KT-XH trong một không gian sinh tồn và ghi đậm những dấu ấn của điều kiện tự nhiên cũng như môi trường xã hội nơi tộc người đó sinh sống. Văn hóa được thể hiện ở nhiều dạng thức mà TTĐP như là một thành tố quan trọng làm nên văn hóa của một tộc người. Tuy nhiên, trong bối cảnh hiện nay, TTĐP đã bị mai một, thay đổi nhiều, thậm chí nhiều tri thức đã biến

mất mãi mãi do sự tác động của nhiều nhân tố, nhất là những tác động từ những thành tựu của khoa học công nghệ, chính sách phát triển của Đảng và Nhà nước, tính đa dạng tộc người, yếu tố tôn giáo, biến đổi khí hậu... Điều này đã tác động sâu sắc đến mối quan hệ sinh thái giữa con người và tự nhiên, tổn hại đến môi trường. Vì vậy, bài viết tập trung phân tích các giá trị của TTĐP trong sử dụng và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên của các tộc người thiểu số tại chỗ ở Tây Nguyên, góp phần tạo cơ sở khoa học cho việc bảo tồn và phát huy các giá trị của văn hóa tộc người cũng như góp phần bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên vùng Tây Nguyên.

2. Tổng quan nghiên cứu

Cùng với sự phát triển vượt bậc của nhân loại về khoa học - kỹ thuật là những áp lực vô cùng lớn lên các nguồn tài nguyên. Chưa lúc nào tài nguyên lại bị bóc lột dẫn đến nguy cơ cạn kiệt như lúc này. Chính hiện trạng đó đã khiến các nhà khoa học cả tự nhiên và xã hội đi tìm câu trả lời cho việc: tại sao trong hàng triệu năm qua, con người có thể sống chan hòa với tự nhiên, mà hiện nay, chỉ trong vòng một thế kỷ, thiên nhiên lại bị đe dọa nghiêm trọng như vậy? Một lần nữa, người ta lại tìm về hệ thống các tri thức, những kinh nghiệm ứng xử truyền thống với môi trường của các tộc người. Vì vậy, TTĐP trở thành đối tượng được nhiều nhà khoa học quan tâm nghiên cứu, trong đó có thể kể đến các nghiên cứu như: *Trồng trọt truyền thống của các dân tộc tại chỗ Tây Nguyên* (Đào, 2008); *Góp phần nghiên cứu phát triển bền vững các dân tộc thiểu số tại chỗ vùng Trường Sơn Tây Nguyên* (Đào, 2020); *Văn hóa cổ truyền Tây Nguyên* (Hùng, 2001); *Tìm*

hiểu phong tục, tập quán, tín ngưỡng, tôn giáo các dân tộc vùng Tây Nguyên (Hường, 2013); *Văn hóa Tây Nguyên giàu và đẹp* (Niê Kdam, 2020); *Vai trò của văn hóa truyền thống các tộc người bản địa Tây Nguyên đối với sự phát triển bền vững* (Kỳ, 2019); *Tìm hiểu luật tục các tộc người ở Việt Nam* (Thịnh, 2003);... Tuy nhiên, phần lớn các nghiên cứu tập trung vào vào việc sưu tầm và tìm hiểu văn hóa tộc người, trong đó có đề cập một phần đến TTĐP trên các khía cạnh đời sống kinh tế, văn hóa, ít công trình nghiên cứu riêng về TTĐP trong quản lý và sử dụng tài nguyên thiên nhiên của các DTTS tại chỗ ở Tây Nguyên nên vấn đề này vẫn còn là một khoảng trống cần được tiếp tục nghiên cứu.

3. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng phương pháp điền dã dân tộc học là chủ đạo với các phương pháp bộ phận như phỏng vấn sâu, thảo luận nhóm, quan sát... Ngoài ra, phương pháp thu thập các tài liệu thứ cấp, sơ cấp; phương pháp phân tích, tổng hợp các tài liệu, báo cáo, bài viết liên quan cũng được sử dụng để làm rõ vấn đề nghiên cứu.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Các giá trị của tri thức địa phương trong sử dụng và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên đối với phát triển kinh tế

Cùng với sự tác động của khoa học kỹ thuật, TTĐP trong sử dụng và bảo vệ tài nguyên có vai trò trong đời sống và sản xuất các DTTS tại chỗ ở Tây Nguyên. Điều này thể hiện rõ ở phương diện kinh tế. Nó góp phần đảm bảo sự sinh tồn của con người trong những môi trường sống không ổn định. Họ sử dụng những hiểu biết riêng của tộc người mình về các loài thực vật, động vật, đất đai, nguồn nước, thời tiết để cùng chung sống hài hòa với nó.

Hoạt động kinh tế chính của các DTTS tại chỗ ở Tây Nguyên là trồng trọt nên đất đai là tài nguyên, tài liệu quan trọng. Canh tác nương rẫy là hoạt động trồng trọt truyền thống chính yếu của các tộc người nơi đây. Trải qua quá trình lao động, họ đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm ứng xử phù hợp với quy luật tự nhiên của môi trường cư trú, làm cho con người và tự nhiên hoà đồng, nương tựa nhau cùng tồn tại. Thế ứng xử đó được thể hiện qua hàng loạt các TTĐP liên quan đến trồng trọt nương rẫy như chọn rẫy, phân loại đất, lựa chọn giống cây trồng và phương thức canh tác phù hợp với đặc điểm địa hình và chất đất của địa phương. Trước tiên, trong khâu chọn đất rẫy, đồng bào Tây Nguyên chọn những nơi có rừng bởi cây rừng, lá rừng tích tụ lâu ngày khi được phát, đốt sẽ đem lại lớp tro phân là nguồn dinh dưỡng cần thiết cho sự phát triển của cây trồng, đồng thời rừng còn có khả năng duy trì và giữ độ ẩm, độ phì và độ tơi xốp cho đất. Như người Ba-na thường chọn đất rẫy ở rừng thứ sinh, họ cho rằng cây ở rừng này thân to vừa phải, tán lá rậm, không mất quá nhiều công phát, có một lớp lá mục

sẽ trở thành phân sau khi đốt, giữ cho đất ẩm, ngăn cản sinh trưởng của cỏ dại. Còn rừng già, cây to, tro quá dày, lúa dễ bị lép, tốn công phát. Rừng non đờ tôn công phát nhưng ít tro phân, cỏ mọc nhanh, đất thiếu ẩm thì công làm cỏ nhiều và năng suất cây trồng thấp (Đạo, 2000). Tương tự, người Mạ ưa làm rẫy ở rừng thứ sinh, gồm phần lớn là rừng tre, thường nằm ở các thung lũng để canh tác vì đất ở độ tơi xốp, độ phì nhiêu cao, giữ ẩm tốt hơn các loại đất khác và phù hợp với nhiều loại cây trồng. Người Mạ cũng không chọn rừng nguyên sinh canh tác vì theo quan niệm của họ đây là rừng thiêng dành cho thần linh, tránh làm phiền đến các thần khiến các thần nổi giận (Phổ, 2017). Nhờ tri thức đó mà đồng bào đảm bảo lương thực và tồn tại qua nhiều thế hệ.

Đồng bào Tây Nguyên cũng có nhiều kinh nghiệm trong việc phân loại đất. Người Ba-na, Xơ-đăng thường chia đất rẫy thành ba loại: đất xám đen, có nhiều mùn giun, ở chân núi, thường tơi xốp là đất tốt nhất, đất nâu vàng ven sông và trong các thung lũng là tốt vừa và đất vàng pha cát ở các bờn sông là không tốt. Người Gia-rai, Ê-đê ở các cao nguyên chia đất rẫy thành 4 loại: đất đỏ vàng (đất bazan) trên địa hình cao nguyên, đất xám vàng ở các sườn núi, đất phù sa pha cát ở ven sông và đất nâu vàng trong các thung lũng, trong đó đất xám vàng là tốt nhất. Nếu các tộc người ở miền núi quan tâm nhiều đến chất đất thì các tộc người ở cao nguyên lại quan tâm nhiều đến độ ẩm của đất, như người Gia-rai, Ê-đê thường có kinh nghiệm dùng dao cắm xuống đất, thấy mũi dao ăn sâu, lưỡi dao ướt thì chỗ đó làm rẫy sẽ tốt. Việc phân loại và xác định độ màu mỡ của đất giúp các tộc người có thể lựa chọn những giống cây trồng, áp dụng kỹ thuật canh tác phù hợp để có năng suất cao nhất, đảm bảo an ninh lương thực cho gia đình.

Chu trình trồng trọt của các tộc người nơi đây khép kín, ít biến động và phụ thuộc nhiều vào điều kiện thời tiết, khí hậu. Dựa vào chu trình thay đổi tuần hoàn của điều kiện tự nhiên và cảnh quan cư trú, các DTTS tại chỗ Tây Nguyên đã xác định cho mình lịch canh tác nương rẫy lý và ổn định. Lịch canh tác chủ yếu theo mùa ở những cấp độ khác nhau. Ở cấp độ cao nhất là mùa rẫy. Độ dài về thời gian của mỗi mùa rẫy tương ứng với chu trình biến đổi của thời tiết, khí hậu trùng với thời gian một năm của lịch mặt trăng hay lịch mặt trời. Ở cấp độ thứ hai, mùa rẫy được chia hai mùa khác nhau là mùa canh tác và thời kỳ nghỉ ngơi. Ở cấp độ ba, mùa rẫy được chia làm nhiều mùa nhỏ hơn, chỉ những công đoạn cụ thể của quá trình canh tác rẫy (Đạo, 2020). Mặc dù chưa thành hệ thống chặt chẽ, chỉ dựa vào kinh nghiệm nhưng nông lịch nương rẫy hàng năm vẫn được các tộc người nhận biết tương đối chuẩn xác. Nhờ đó, các DTTS số tại chỗ Tây Nguyên chủ động trong các hoạt động trồng trọt, tận dụng những yếu tố thuận lợi, ưu đãi, đồng thời, hạn chế những bất lợi, rủi ro do điều kiện tự nhiên mang lại.

Trong trồng trọt, các DTTS tại chỗ Tây Nguyên còn sử dụng hình thức canh tác đa canh, luân canh, xen canh nhằm tận dụng các lợi thế của đất đai. Cách trồng như vậy có nhiều tác dụng tận dụng hết khả năng của đất để thu hoạch nhiều loại cây trồng trong cùng một thời gian trên một đơn vị diện tích đất canh tác, bảo đảm có nhiều loại sản phẩm phụ vụ nhu cầu; tạo ra một lớp phủ thực vật trên bề mặt đất, hạn chế cỏ dại, tăng chất mùn cho đất, giảm xói mòn do mưa, góp phần ổn định năng suất cây trồng; đáp ứng nhu cầu tiện sinh hoạt con người, nhất là trong điều kiện nhà và rẫy ở Tây Nguyên thường nằm xa nhau. Xen canh là biện pháp bảo vệ và kích thích lẫn nhau phát triển giữa các loại cây trồng, ví dụ du cây lúa và cây ngô là hai loại cây trồng được các tộc người trồng xen phổ biến. Hai tháng đầu sau khi gieo, ngô và lúa đều còn nhỏ, cần và đủ ánh sáng để quang hợp nên không ảnh hưởng đến nhau. Thời kỳ lúa vào đòng, không cần nhiều ánh sáng và dễ bị hạn thì cây ngô vượt cao lên che chở cho lúa, trong khi cây ngô có khả năng chịu hạn cao vẫn có thể phát triển. Lúc lúa làm hạt cần ánh sáng thì cây ngô đã được thu hoạch.

Để bảo vệ mùa màng, họ làm hàng rào rẫy, dựng chòi rẫy để chống thú rừng và ngăn chặn gia súc vón được nuôi thả rộng ở Tây Nguyên. Họ sử dụng nhiều loại bẫy, hoặc làm bù nhìn để chống chim, chuột; đặc biệt họ lợi dụng sức gió, sức nước kết hợp các vật dụng tre, nứa, gỗ tạo ra hệ thống dụng cụ phát ra những âm thanh dồn dập, gây những tiếng động bất ngờ khiến chim và thú hoảng sợ, bỏ chạy.

Đặc biệt, các DTTS Tây Nguyên có hình thức quay vòng đất rẫy theo chu kỳ luân khoảnh khép kín vừa đảm bảo nhu cầu lương thực, thực phẩm, vừa không dẫn đến phá rừng, phá vỡ cân bằng sinh thái. Tuy nhiên, hình thức canh tác này chỉ phù hợp với điều kiện đất rộng, người thưa, còn với điều kiện hiện nay thì nó không còn thích hợp. Các cư dân tại chỗ đã từng bước chuyển đổi canh tác nương rẫy truyền thống sang canh tác ruộng khô chờ mưa, ruộng nước. Ngoài ra, do tác động của kinh tế, văn hoá, xã hội đưa vào từ bên ngoài, hình thức vườn phát triển, bao gồm vườn đa canh tự cấp, tự túc và vườn chuyên canh cây công nghiệp hàng hoá như cây chè, cà phê, hồ tiêu... đã thấy xuất hiện trong vườn nhà của các tộc người nơi đây. Nhờ đó, nhiều hộ gia đình không chỉ đảm bảo lương thực, thực phẩm mà còn phát triển kinh tế hàng hóa, có đời sống khá giả. Mặc dù, thu nhập từ vườn chuyên canh chưa đạt hiệu quả như mong đợi ở các DTTS tại chỗ ở Tây Nguyên nhưng nó là mở ra tiềm năng để phát triển sau này.

Ngoài những TTĐP về tài nguyên đất đem lại thu nhập, những TTĐP về tài nguyên rừng cũng góp phần không nhỏ cho đời sống và kinh tế hộ của người dân. Từ xa xưa, cuộc sống của họ đã gắn liền với rừng, rừng đem lại cho họ kho dự trữ nguồn nguyên liệu đất, nước, lâm sản, dược liệu,... để tồn

tại và phát triển. Họ biết khai thác các loại lâm sản từ rừng để làm nhà, thuyền, ghé ngồi, quan tài, làm các vật dụng sinh hoạt và tìm kiếm nguồn thức ăn, cây thuốc chữa bệnh, săn bắn. Vì vậy, họ khai thác rừng có chừng mực và trách nhiệm để những nguồn tài nguyên đó tiếp tục được duy trì ổn định cho nhiều thế hệ. Những kiến thức về đặc điểm hình thái, tập tính, chu kỳ sinh trưởng của một số loài động, thực vật giúp người dân có thể khai thác, thu hoạch theo mùa để làm thức ăn và bán. Điều này góp phần ổn định cuộc sống của họ trong những năm qua.

Các DTTS tại chỗ Tây Nguyên luôn quan niệm nước không chỉ là yếu tố cần thiết để duy trì sự sống mà còn được xem là dấu hiệu của sự phát triển, thịnh vượng. Song hành cùng với những tri thức về tài nguyên đất, rừng, những am hiểu của các tộc người nơi đây về nguồn nước đã giúp họ duy trì cuộc sống, hỗ trợ hoạt động nông, lâm nghiệp tạo ra lương thực, thực phẩm... Đòng bào các dân tộc đã sớm nhận thấy nguồn tài nguyên vô tận từ nước là cá và các loài thủy sản khác. Trải qua thời gian, họ đã tích lũy cho mình nhiều hiểu biết, kinh nghiệm về nguồn nước, nơi nào nhiều nước, ít nước, mùa nào nước lên, mùa nào nước cạn, chỗ nào nhiều cá, ít cá. Từ đó, họ nắm bắt được mùa sinh trưởng của các loài tôm, cua, cá... và có những cách thức đánh bắt phù hợp để đạt được hiệu quả cao nhất. Chẳng hạn như người Mnông, họ dùng chài lưới, dùng cần câu để bắt cá trên sông, ở những chỗ nước sâu dùng đó, nom... đặt khi thủy triều lên, cá nương theo dòng nước, khi nước rút, cá sẽ trôi vào trong nom. Đặc điểm của các dụng cụ đánh bắt cá đều được đan khá thưa, chỉ có cá nhỏ và cá lớn mới bị mắc kẹt lại, cá con và các thủy sinh khác nhỏ hơn hoặc mới nở có thể ra vào tự do, không bị mắc bẫy, tiếp tục lớn và sinh trưởng.

Các DTTS tại chỗ Tây Nguyên còn có kinh nghiệm trong việc dự báo thời tiết thông qua biểu hiện của cây rừng, động vật... Những kinh nghiệm này đã giúp các cộng đồng sắp xếp kế hoạch thực hiện các khâu canh tác ruộng, làm nương rẫy, đi rừng cho hợp lý. Như người Ba na, họ căn cứ vào một số cây hoa trong rừng để biết mùa vụ làm nương. Nếu cây gạo nở hoa đỏ rực trời, những cơn mưa đầu mùa kéo đến là khi công việc trên rẫy bắt đầu (Hường, 2014).

Vì vậy, những kinh nghiệm trong sử dụng và bảo vệ nguồn tài nguyên một cách có hệ thống và hài hòa đã cho phép họ tiến hành những hoạt động kinh tế qua nhiều thế hệ để sản xuất lương thực, thực phẩm, khai thác các nguồn lợi tự nhiên không chỉ để phục vụ nhu cầu của gia đình mà còn dư thừa để bán góp phần tăng thu nhập, cải thiện đời sống. Bằng những kinh nghiệm đã tích lũy qua nhiều thế hệ trong việc sử dụng và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, họ đã có được vốn kiến thức phong phú, duy trì và phát triển mang lại hiệu quả kinh tế của cộng đồng tộc người mình.

4.2. Các giá trị của tri thức địa phương trong sử dụng, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên đối với quản lý xã hội, bảo tồn văn hóa, bảo vệ môi trường

Buôn làng của các DTTS tại chỗ Tây Nguyên được hình thành và vận hành theo những chuẩn mực riêng nên có kết cấu xã hội vững chắc, nơi tích tụ và sản sinh ra nhiều giá trị văn hóa độc đáo, trong đó có TTĐP. Vai trò của TTĐP được thể hiện rõ những giá trị nhất định trong việc kiểm soát và quản lý xã hội, đặc biệt giai đoạn trước đây khi xã hội tộc người chưa chịu sự can thiệp của quản lý nhà nước. Để vận hành được xã hội đó, họ đã xây dựng cho mình những luật tục, trong đó luật tục Ê-đê, Mnông có thể coi là luật tục nổi tiếng, hoàn chỉnh, tiêu biểu và có giá trị. Ngoài vai trò như luật pháp nhằm duy trì trật tự xã hội, luật tục Tây Nguyên chứa đựng nhiều giá trị khác như giá trị lịch sử xã hội tộc người, giá trị văn hóa tộc người, giá trị bách khoa về tri thức dân gian tộc người (Đạo, 2020). Nó đề cập đến các khía cạnh đời sống của các tộc người, trong đó có những quy định về bảo vệ tài nguyên thiên nhiên. Như ở người Mnông, họ có quy ước khi phát rẫy tránh không được làm hư hỏng những cây cối khác mọc xung quanh, không được phóng uế ra rẫy của người khác. Đối với sản vật rừng, luật tục Gia-rai có những quy định cụ thể: “*Bắt con ếch phải chừa con mẹ/ Chặt cây tre phải chừa cây con*” (Niê Kdam, 2020)... Ở một chừng mực nhất định, luật tục là một khía cạnh của TTĐP mà các tộc người tích lũy được trong quá trình sản xuất, ổn định xã hội để phát triển nên nó thể hiện tính địa phương, không có luật tục chung cho mọi cộng đồng. Như vậy, ở bất kỳ một tộc người nào, luật tục đều mang đậm dấu ấn văn hóa tộc người và giữ vai trò như là một nguyên tắc trong việc quản lý, điều hành xã hội. Điều này thể hiện rõ cách ứng xử trong khai thác tự nhiên. Ngoài ra, TTĐP trong sử dụng và bảo vệ tài nguyên đất, nước, rừng làm các tộc người xích gần lại nhau hơn, đoàn kết hơn trong việc xây dựng nên một cộng đồng vững mạnh. Trong xã hội truyền thống, mỗi buôn/làng Tây Nguyên đều có một người phụ trách về đất đai gọi là chủ rừng (Co-ho, Ma, Mnông) hay chủ đất (Ê-đê, Gia-rai). Họ thay mặt dân làng trông nom, theo dõi việc quản lý, sử dụng đất đai theo phong tục của cộng đồng (Đạo, 2020). Đất rẫy của các hộ gia đình thường nằm liên hoàn trong một khu để thuận tiện cho việc canh tác và quản lý. Mặc dù, nền kinh tế của họ chưa phát triển cao, đời sống còn khó khăn, song họ vẫn sẵn sàng giúp đỡ nhau, người dân tự nguyện tuân theo các quy định, các luật lệ của địa phương như một tiêu chuẩn đạo đức mà ít khi phải dùng đến hình phạt.

TTĐP trong sử dụng và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên của các DTTS tại chỗ ở Tây Nguyên đã thể hiện cách ứng xử hài hòa với môi trường tự nhiên và xã hội. Những tri thức đó là tài sản vô giá. Nó không những góp phần khai thác một cách hợp lý,

khoa học nguồn tài nguyên để phục vụ cuộc sống, thích nghi với môi trường xung quanh mà nó còn góp phần làm giàu thêm và tạo ra bản sắc văn hóa các tộc người, đặc biệt là các tín ngưỡng như lễ cúng bến nước của người Ba na, lễ cúng rừng của người Gia-rai, lễ cúng hồn lúa của người Xơ-đăng, lễ ăn cơm mới của người Ê-đê... hay những kiêng kỵ liên quan đến nguồn nước, săn bắn động vật, hái dược liệu của các tộc người. Đây là những phong tục mang tính văn hóa đặc sắc và cũng chính là văn hóa tâm linh có giá trị lớn đối với đời sống tinh thần của các DTTS nơi đây. Có thể nói, TTĐP là nền tảng cơ bản - nguồn nuôi dưỡng cho sự phong phú và sức sống của một nền văn hóa. Bản thân TTĐP đã bao hàm trong đó cả niềm tin, nhận thức của con người về xã hội, chứa đựng những giá trị truyền thống. Các tri thức đó còn được hiện thực hóa thông qua những câu chuyện dân gian, ca dao, tục ngữ của các tộc người liên quan đến sử dụng và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên. Những trường ca, sử thi - nơi chứa đựng những quan niệm của các tộc người về vũ trụ, vạn vật và cách ứng xử của con người với thiên nhiên, kinh nghiệm sản xuất... được đúc kết từ chính cuộc sống hàng ngày làm phong phú thêm nền văn học Việt Nam. Các nhạc cụ như kèn đình năm của người Ê-đê, bộ đàn đá của người Mnông; tơ rung nước của người Ba na, ting gling của người Xơ-Đăng, Rơ măm... cũng được chế tác bằng các nguyên liệu rất đơn giản như tre, quả bầu, các loại đá và sử dụng trên nương rẫy có tác dụng trong săn bắn, xua đuổi thú hoang.

Việc tích lũy những kinh nghiệm đó không chỉ đơn thuần phục vụ cho hoạt động sản xuất mà còn là một hệ thống kiến thức về bảo vệ môi trường. Các DTTS tại chỗ Tây Nguyên thường sử dụng kỹ thuật đa canh giống và các loại hoa màu trong rẫy lúa đảm bảo tận dụng tối đa độ màu mỡ của đất vừa khắc phục tình trạng vắng cây, làm tăng độ che phủ, chống xói mòn. Trong sản bản, thời điểm thích hợp thường diễn ra vào mùa khô, tránh đi sản vào mùa xuân vì đây thời điểm sinh nở và nuôi con nhỏ của các con vật. Nếu bẫy trúng con thú non còn đang bú, họ thường thả ra, tìm trả cho con mẹ hoặc mang về nuôi, chữa trị vết thương. Luật tục, tính thiêng, sự kiêng kỵ và nghi lễ là những thiết chế đảm bảo sự cố kết cộng đồng, chia sẻ tài nguyên, điều chỉnh hành vi của các cá nhân; chính sự tham gia của thần linh với quản lý tài nguyên, quản lý cộng đồng đã góp phần bảo vệ tài nguyên hiệu quả.

4.3. Một số vấn đề đặt ra

Thứ nhất, tính cạnh tranh của tri thức địa phương yếu hơn so với tri thức khoa học trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

TTĐP trong sử dụng và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên của các DTTS tại chỗ Tây Nguyên hiện nay còn hay mất và có phù hợp với bối cảnh hiện tại không? Đây cũng là một câu hỏi đặt ra với các tộc

người. Và từ các kết quả nghiên cứu, chúng tôi thấy không phải tất cả các TTĐP của họ đều giữ lại một cách nguyên vẹn, có những tri thức vẫn còn, có những tri thức đã mất, có những tri thức biến đổi. Đặc biệt, trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, sự phát triển của khoa học công nghệ hiện đại đã làm cho TTĐP bị xem là rườm rà, không có hiệu quả và bị bỏ qua. Nếu trước đây, với kinh nghiệm quan sát và thực hành phù hợp với môi trường sinh thái, các tộc người có thể dự đoán được nhiều điều liên quan đến tài nguyên thiên nhiên nhưng trong điều kiện sinh thái với sự khủng hoảng môi trường ngày càng nghiêm trọng, khí hậu, thời tiết biến đổi khó lường thì những tri thức đã đúc kết được trong truyền thống, đôi khi không còn được sử dụng hoặc sử dụng hiệu quả không cao. Vì vậy, TTĐP trở nên yếu thế và không được đề cao. Bản thân người trong cộng đồng các DTTS tại chỗ Tây Nguyên cũng chọn cách thích ứng với bối cảnh thay đổi liên tục bằng cách chọn những cái mới, sự tiên bộ của khoa học kỹ thuật, sự tiện dụng của các điều kiện vật chất, sự phong phú của đời sống tinh thần thay cho giá trị truyền thống.

Thứ hai, sự chuyển đổi hoặc mai một tín ngưỡng làm thay đổi cách ứng xử với tài nguyên thiên nhiên

Là những cư dân sống gắn bó với rừng, được rừng che chở, bao bọc và mang lại nguồn sinh kế dồi dào, các DTTS tại chỗ Tây Nguyên đã gửi trọn niềm tin của mình vào rừng. Sự sùng bái tự nhiên, tin tưởng vào các siêu linh đã giúp họ cân bằng về mặt tinh thần. Luật tục là cánh tay nối dài của thân quyền nhằm điều chỉnh hành vi của các cá nhân trong cộng đồng, điều hòa các mối quan hệ trong xã hội, góp phần bảo vệ tài nguyên một cách bền vững. Tuy nhiên, cùng với sự vận động không ngừng của xã hội, sự biến đổi của môi trường sinh thái đã làm cho niềm tin vào rừng, vào các *yang* bị lung lay và biến mất trong một bộ phận của các tộc người. Chính vì sự suy giảm niềm tin đã làm thay đổi quan niệm và cách ứng xử đối với tài nguyên. Sự thực dụng trong khai thác tài nguyên xuất hiện thay thế cho sự tôn trọng, hài hòa, cân bằng vốn có. Sự giải thể bối cảnh, giải thể niềm tin đã dẫn đến việc các tộc người này tìm đến niềm tin khác như cứu cánh cho sự khủng hoảng về niềm tin. Một bộ phận người Mnông, Ê-đê, Gia-rai... chuyển đổi niềm tin từ tín ngưỡng đa thần sang tôn giáo độc thần (đạo Tin Lành) cũng đã tác động rất lớn đến cách ứng xử với tài nguyên và thực hành văn hóa truyền thống.

Thứ ba, chưa đánh giá đúng vai trò, giá trị của tri thức địa phương đối với sinh kế bền vững cũng như văn hóa của cộng đồng.

Nhiều TTĐP đã có vai trò và giá trị rất lớn đối với sự sinh tồn của các DTTS tại chỗ ở Tây Nguyên thể hiện qua kinh nghiệm phân loại tài nguyên nhằm đảm bảo quy hoạch không gian sống, lựa chọn giống cây trồng phù hợp với từng chất đất. Kỹ thuật canh tác phù hợp với môi trường sinh thái góp

phần chống xói mòn, rửa trôi, bạc màu tài nguyên đất. Luật tục giúp bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên, con người và tự nhiên cùng sống hòa hợp, trách nhiệm với nhau. Quá trình thích ứng với môi trường sinh thái đã để lại một hệ thống tri thức về khai thác hợp lý các nguồn tài nguyên. Như vậy, việc sử dụng TTĐP có những ưu điểm nổi trội như phù hợp với phong tục tập quán và điều kiện địa phương, đã được thử nghiệm qua thời gian, có tính đa dạng cao, dễ sử dụng và là cơ sở để giải quyết các vấn đề cho cộng đồng địa phương, đặc biệt là người nghèo. Tuy nhiên, vì chưa quan tâm đúng mức đến tri thức này nên có nhiều dự án, nhiều chương trình phát triển kinh tế-xã hội không đạt được kết quả như mong đợi, thậm chí còn làm tổn hại đến tính toàn vẹn của văn hóa tộc người, trong đó có TTĐP. Mặc dù, vai trò, giá trị của TTĐP không hiệu quả nhiều với bối cảnh đương đại nhưng nó vẫn rất quan trọng vì bảo tồn chính TTĐP chính là bảo tồn văn hóa của các tộc người. Văn hóa như một dòng chảy liên tục, TTĐP là sự trao truyền, là sự kết nối giữa con người với con người, giữa con người với thiên nhiên. Đặc biệt, trong bối cảnh của sự khủng hoảng về sinh thái tự nhiên, con người bắt đầu cảm thấy sự kết nối giữa con người với tự nhiên ngày càng trở nên lỏng lẻo, những bài học về sự tàn phá của con người đối với thiên nhiên đã để lại một hậu quả nặng nề mà con người đang phải gánh chịu sự trừng phạt thảm khốc, khó lường của thiên tai. Hơn bao giờ hết, TTĐP chính là một nhịp cầu kết nối con người với thiên nhiên, góp phần phát triển sinh kế bền vững.

Thứ tư, tri thức địa phương bị mai một, lãng quên do sự suy giảm của các nguồn tài nguyên thiên nhiên.

Việc dân di cư tự phát đến địa phương nhiều đã tạo một áp lực rất lớn đối với chính quyền và người dân tại chỗ trong việc sắp xếp dân cư, bố trí đất ở, đất sản xuất; là sức ép chính lên nguồn tài nguyên, là nguyên nhân làm cho nguồn tài nguyên bị suy giảm nhanh chóng. Mâu thuẫn lợi ích giữa các chủ thể trong xã hội đối với quyền sở hữu, định đoạt tài nguyên gây nên sự lúng túng để đưa ra giải pháp, mô hình phù hợp để bảo vệ tài nguyên, bảo tồn TTĐP. Theo truyền thống, tài nguyên được quản lý và bảo vệ bởi chủ làng, chủ rừng, luật tục, yếu tố thiêng thì ngày nay, tài nguyên được Nhà nước giao các công ty Lâm nghiệp, Ban quản lý rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, Khu bảo tồn, Vườn Quốc gia, UBND các cấp, các hộ gia đình, cộng đồng quản lý, bảo vệ... Các đơn vị này thiết lập hệ thống từ Trung ương đến địa phương, đưa ra nhiều giải pháp để bảo vệ tài nguyên đất rừng như xây dựng và tổ chức hệ thống quản lý gắn với lợi ích của nhân dân trong vùng thông qua việc giao khoán bảo vệ rừng nhằm thực hiện tốt công tác quản lý bảo vệ rừng. Các doanh nghiệp ngoài quốc doanh, đơn vị vũ trang có diện tích rừng tự nhiên được giao quản lý bảo vệ đều đã tích cực triển khai lực lượng quản lý bảo vệ rừng.

Một số dự án đã xây dựng quy chế phối hợp với các cơ quan chức năng, chính quyền địa phương để tổ chức quản lý bảo vệ diện tích rừng được giao. Đối với rừng và đất rừng giao hộ gia đình, cộng đồng, thành lập các tổ đội quản chúng bảo vệ rừng. Hoạt động bảo vệ rừng của lực lượng này đã góp phần tố giác tội phạm; ngăn chặn phá rừng, tuyên truyền ý thức bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng. Tuy nhiên, lực lượng này chủ yếu là người dân tại chỗ ở địa phương, không được đào tạo, huấn luyện và trang bị những thiết bị, công cụ tối thiểu phục vụ công tác bảo vệ rừng. Mặc dù làm tốt công tác tuyên truyền người dân trong cộng đồng không xâm lấn đất rừng để làm rẫy nhưng lại bất lực với lâm tặc. Đối với rừng và đất rừng thuộc UBND xã quản lý: Chủ yếu được giao cho lực lượng Kiểm lâm địa bàn phối hợp với cán bộ xã (phụ trách địa chính, công an xã...) quản lý bảo vệ nên kết quả không cao. Sự suy giảm tài nguyên sẽ dẫn đến hệ quả mất môi trường nền tảng, mất không gian để TTĐP tồn tại, vì vậy, việc bảo tồn và phát huy các giá trị của TTĐP càng trở nên khó khăn hơn.

Thứ năm, sự trao truyền tri thức địa phương giữa các thế hệ bị đứt gãy

Hiện nay, cơ hội cho lớp trẻ đi học, đi làm ăn xa ngày càng nhiều. Tài nguyên bị suy giảm dẫn đến hiểu biết về các loài cũng kém phong phú hơn; sinh hoạt văn hóa và nghi lễ liên quan đến tài nguyên không được duy trì hoặc đơn giản hóa làm mất cơ hội trao truyền, học hỏi đối với thế hệ tiếp theo của cộng đồng các tộc người tại chỗ ở Tây Nguyên.

Thứ sáu, khả năng kết hợp tri thức địa phương và tri thức mới chưa hiệu quả

TTĐP hay những tri thức mới đều có những ưu, nhược điểm riêng, không phải tất cả những cái mới đều là tốt và không phải những cái cũ là lạc hậu, lỗi thời. TTĐP không hoàn toàn mâu thuẫn với tri thức hiện đại mà chúng sẽ bổ sung cho nhau nhằm tạo ra sự phát triển bền vững hơn. Các tộc người tại chỗ Tây Nguyên đã có sự kết hợp giữa hai loại tri thức này. Chẳng hạn như trong việc cải tạo đất, các DTTS tại chỗ Tây Nguyên đã sử dụng cả hai loại phân bón hóa học và các loại phân xanh mà người dân tận dụng được sau khi thu hoạch mùa màng hay chăn nuôi. Hay trong việc làm đất, họ vẫn kết hợp việc sử dụng trâu, bò cùng với việc dùng các loại máy cày, máy bừa hiện đại. Có thể thấy, tri thức cũ có giá trị vẫn được người dân sử dụng, tri thức mới liên tục bổ sung, đổi mới. Tuy nhiên, việc kết hợp TTĐP và tri thức khoa học ở các tộc người này trong sử dụng và quản lý tài nguyên thiên nhiên hiện nay vẫn chưa thực sự hài hòa và hiệu quả.

5. Thảo luận

Trong tiến trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và hội nhập quốc tế hiện nay, dưới tác động của khoa học kỹ thuật, chính sách của Đảng và Nhà nước, sự nhận thức của người dân,... kho

tàng TTĐP quý báu của các DTTS tại chỗ Tây Nguyên đang đứng trước nguy cơ bị mai một. Vì vậy, từ các kết quả nghiên cứu, chúng tôi xin đề xuất một số khuyến nghị nhằm góp phần bảo tồn và phát huy các giá trị của TTĐP trong sử dụng và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên của các tộc người thiểu số tại chỗ ở Tây Nguyên như sau:

Một là, tăng cường các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục với nhiều hình thức khác nhau, có thể thông qua các cuộc họp dân, qua đài phát thanh,... giúp cho các tộc người thấy được tầm quan trọng của các tài nguyên; về trách nhiệm và quyền lợi của người dân, chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan quản lý tài nguyên; về các quy định luật pháp của Nhà nước đối với công tác bảo vệ, quản lý tài nguyên và quan trọng hơn cả là giúp họ thấy được giá trị to lớn mà TTĐP mang lại để từ đó họ tự hào về di sản trí tuệ của chính bản thân họ và có ý thức giữ gìn chúng hơn.

Hai là, xác định TTĐP nào còn phù hợp, đánh giá hiệu quả và tính bền vững của chúng và kết hợp các TTĐP đó vào trong những chương trình dự án, hoạt động kinh tế - xã hội - văn hóa - môi trường của địa phương.

Ba là, nâng cao vai trò của trường thôn, những người có uy tín trong việc xây dựng và thực hiện quy định bảo vệ môi trường và quản lý tài nguyên thiên nhiên ở buôn làng cộng đồng; tăng cường sự tham gia của người dân trong xây dựng kế hoạch, quy hoạch sử dụng đất đai, bảo vệ các nguồn lợi của rừng vừa tạo thêm thu nhập mới và bền vững cho các cộng đồng dân tộc sống gần rừng và trong rừng, vừa là cơ hội để người dân tham gia vào phòng chống biến đổi khí hậu mang lại lợi ích cho chính họ, cho quốc gia.

Bốn là, giải quyết thỏa đáng các vấn đề đất đai, nước và rừng, khôi phục không gian sinh tồn của buôn làng ở những nơi có thể khôi phục, giao rừng cho người dân, gắn cuộc sống người dân với rừng. Có như vậy mới bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa tộc người, trong đó có TTĐP trong sử dụng và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên.

Năm là, xây dựng chính sách khuyến khích và hỗ trợ công tác bảo tồn, phát triển TTĐP thông qua việc lưu giữ, phổ biến chúng trên các phương tiện thông tin đại chúng ở các dạng tĩnh và động, nhất là việc ứng dụng cụ thể các tri thức vào trong các hoạt động kinh tế - xã hội cụ thể tại địa phương; đồng thời cần sự tập trung đầu tư nghiên cứu sâu rộng hơn nữa của các nhà chuyên môn, chính quyền địa phương và các tổ chức khoa học.

6. Kết luận

Các DTTS tại chỗ Tây Nguyên đã trải qua nhiều năm sinh tồn và phát triển trong không gian tự nhiên và xã hội cụ thể đã hình thành một hệ thống TTĐP về sử dụng và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên đa dạng, phong phú thích ứng với điều kiện cụ thể

của mình. Những hiểu biết đó không chỉ thể hiện sự nhận thức sinh động và đúng đắn về môi trường tự nhiên mà còn giúp khai thác, bảo vệ chúng một cách hợp lý. Do đó, TTĐP thực sự là một nguồn tài sản vô giá rất cần được coi trọng nghiên cứu, tổng kết, đánh giá khẳng định như một trong những di sản văn hoá tộc người và góp phần làm giàu thêm bản sắc văn hoá dân tộc Việt Nam thống nhất trong đa dạng. Trong bối cảnh hiện nay, tri thức đó đã bị thay đổi nhiều do sự tác động của nhiều nhân tố, nhất là những tác động từ những thành tựu của khoa

học công nghệ. Mặc dù, TTĐP không còn giữ vai trò quan trọng như trong xã hội truyền thống nhưng vẫn còn lưu giữ những thành tố văn hóa có giá trị đang vận hành trong đời sống hiện tại. Vì vậy, bên cạnh việc kế thừa, phát huy các thành tố phù hợp, loại bỏ những thành tố chưa phù hợp, cần kết hợp với các nguồn tri thức khoa học để có thể sử dụng, bảo vệ và quản lý bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên của các DTTS tại chỗ ở Tây Nguyên. Điều đó không chỉ có ý nghĩa trong bối cảnh hiện nay mà còn cho tương lai.

Tài liệu tham khảo

- Đạo, B. M. (2008). *Trông rọt truyền thống của các dân tộc tại chỗ Tây Nguyên*. Hà Nội: Nxb. Khoa học xã hội.
- Đạo, B. M. (2020). *Góp phần nghiên cứu phát triển bền vững các dân tộc thiểu số tại chỗ vùng Trường Sơn Tây Nguyên*. Hà Nội: Nxb. Khoa học xã hội.
- Hùng, L. (2001). *Văn hóa cổ truyền Tây Nguyên*. Hà Nội: Nxb. Văn hóa dân tộc.
- Hường, Đ. V. (2013). *Tìm hiểu phong tục, tập quán, tín ngưỡng, tôn giáo các dân tộc vùng Tây Nguyên*. Hà Nội: Nxb. Quân đội nhân dân.
- Niê Kdam, L. N. (2020). *Văn hóa Tây Nguyên giàu và đẹp*. Hà Nội: Nxb. Văn hóa dân tộc.
- Kỳ, Đ. H. (2019). *Vai trò của văn hóa truyền thống các tộc người bản địa Tây Nguyên đối với sự phát triển bền vững*. Hà Nội: Nxb. Sân khấu.
- Phổ, N. Đ. H. (2017). Tri thức địa phương của người Mạ trong canh tác nương rẫy ở Vườn quốc gia Cát Tiên. *Tạp chí Khảo cổ học*, số 1.
- Thịnh, N. Đ. (2003). *Tìm hiểu luật tục các tộc người ở Việt Nam*. Hà Nội: Nxb Khoa học xã hội.
- Xuân, L. T. A. (2016). *Tri thức bản địa của người Mnông ở huyện Lắk trong việc quản lý và sử dụng các nguồn tài nguyên thiên nhiên*. Luận án tiến sĩ.

TRI THỨC ĐỊA PHƯƠNG TRONG SỬ DỤNG VÀ BẢO VỆ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN CỦA CÁC TỘC NGƯỜI THIỂU SỐ TẠI CHỖ Ở TÂY NGUYÊN HIỆN NAY*

Nguyễn Thẩm Thu Hà

Viện Dân tộc học

Email: nguyenthalthuha83@gmail.com

Nhận bài: 01/10/2024; Phản biện: 15/10/2024; Tác giả sửa: 19/10/2024; Duyệt đăng: 28/10/2024; Phát hành: 20/11/2024

DOI: <https://doi.org/10.54163/ncdt/371>

Tri thức địa phương chứa đựng những bài học về cách ứng xử cần thiết của con người với môi trường xung quanh để tồn tại và phát triển. Đó cũng là những quy tắc ứng xử của cá nhân, của cộng đồng và các cộng đồng với nhau. Tri thức địa phương là cơ sở của sự hiểu biết về các lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, quản lý tài nguyên, chăm sóc sức khỏe, quản lý xã hội..., đồng thời cũng là di sản văn hóa quý giá tạo nên bản sắc riêng của mỗi tộc người. Bài viết này sẽ tập trung phân tích các giá trị của tri thức địa phương trong sử dụng, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên đối với các tộc người thiểu số tại chỗ ở Tây Nguyên và gợi mở những vấn đề đặt ra, trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp nhằm bảo tồn và phát huy các giá trị của nó, góp phần phát triển bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên ở Tây Nguyên trong bối cảnh hiện nay.

Từ khóa: Tri thức địa phương; Sử dụng; Bảo vệ; Tài nguyên thiên nhiên; Tộc người thiểu số tại chỗ; Tây Nguyên.

*Bài viết là kết quả của đề tài cấp cơ sở: “Tri thức địa phương trong quản lý và sử dụng tài nguyên thiên nhiên của một số tộc người tại chỗ ở Tây Nguyên” do TS. Nguyễn Thẩm Thu Hà làm chủ nhiệm.